

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC KON TUM
☀️

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: NHÀ LÀM VIỆC TRẠM ĐIỆN LỰC
SA THẦY**

Kon Tum, năm 2024

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC KON TUM
☉★☾

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: NHÀ LÀM VIỆC TRẠM ĐIỆN LỰC
SA THẦY**

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KON TUM *Thuy P*



Nguyễn Văn Hạnh

Kon Tum, năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.....	8
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện.....	8
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	9
CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	10
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	10
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	12
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	12
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	12
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	13
3.1.3. Xử lý nước thải.....	14
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông.....	15
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	15
3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	15
3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	16
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	16
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	19
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	19
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	19
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại, hệ thống thu gom, thoát nước thải.....	19
3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải nguy hại.....	20
CHƯƠNG 4: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	21
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.....	21
4.1.2. Nguồn phát sinh nước thải khác tại cơ sở.....	21
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có	22
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có	22

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại	22
CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ	26
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	26
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	26
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	26
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	26
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không có.	26
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không.....	26
CHƯƠNG 7: KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	27
CHƯƠNG 8: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ.....	28
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	29

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí của cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”	6
Hình 1.2. Sơ đồ phân phối điện năng	8
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	12
Hình 3.2. Thu gom, thoát nước mưa trên mái nhà	12
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” ..	13
Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	14
Hình 3.5. Một số hình ảnh khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại tại cơ sở	18
Hình 3.6. Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại	18

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”	9
Bảng 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	16
Bảng 3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	16
Bảng 3.3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”	17
Bảng 4.1. Bảng Giá trị các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt.....	21
Bảng 4.2. Giá trị các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải	22
Bảng 4.3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”	23

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

UBND	Ủy ban nhân dân
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
GPMT	Giấy phép môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KON TUM

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 184 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hạnh, Chức vụ: Giám Đốc.

- Điện thoại: 0260.2220253; Fax: 0260.2220201.

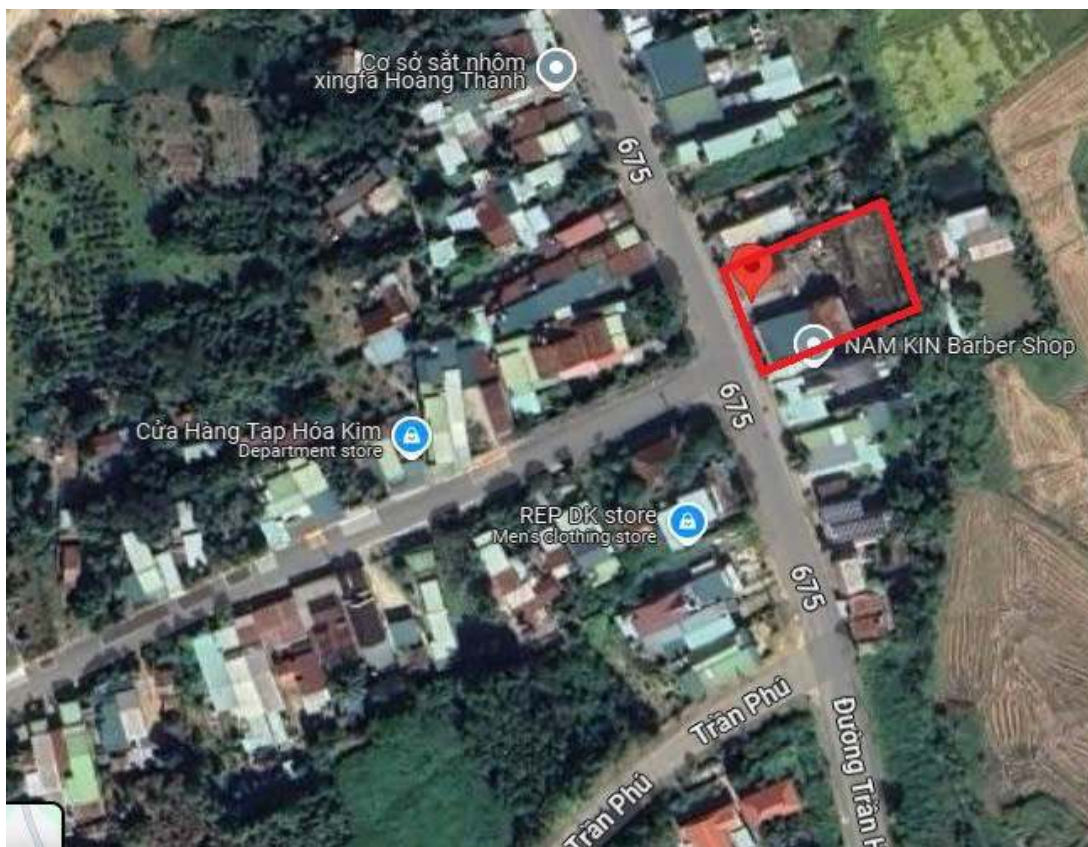
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số 0400101394-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/01/1995 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/09/2021.

1.2. Tên cơ sở

NHÀ LÀM VIỆC TRẠM ĐIỆN LỰC SA THẦY

- Địa điểm cơ sở: 135 Trần Hưng Đạo, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum có ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp: Mương thủy lợi.
- + Phía Đông giáp: Nhà dân.
- + Phía Tây giáp: Đường Trần Hưng Đạo.
- + Phía Nam giáp: Nhà dân.



Hình 1.1. Vị trí của cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số 0400101394-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/01/1995 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/09/2021.

+ Giấy phép hoạt động điện lực số 26/GP-SCT ngày 07/07/2020 do Sở Công thương tỉnh Kon Tum cấp; Số 172/GP-ĐTĐL ngày 03/06/2019 do Cục Điều tiết điện lực- Bộ Công thương cấp.

- Quy mô của cơ sở đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Quy mô của dự án đầu tư: Theo Khoản 4, Điều 10, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Dự án thuộc tiêu chí đầu tư nhóm C. Dự án thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường do Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy phê duyệt và mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư nhóm III thuộc phụ lục XII Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

+ Căn cứ theo khoản 1, Điều 39. Đối tượng phải có giấy phép môi trường của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14:

“1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.”

Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” thuộc dự án đầu tư nhóm III có phát sinh nước thải, chất thải nguy hại xả ra môi trường phải được xử lý. Do đó, dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

+ Căn cứ theo khoản 4, điều 41 (Thẩm quyền cấp GPMT) của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14:

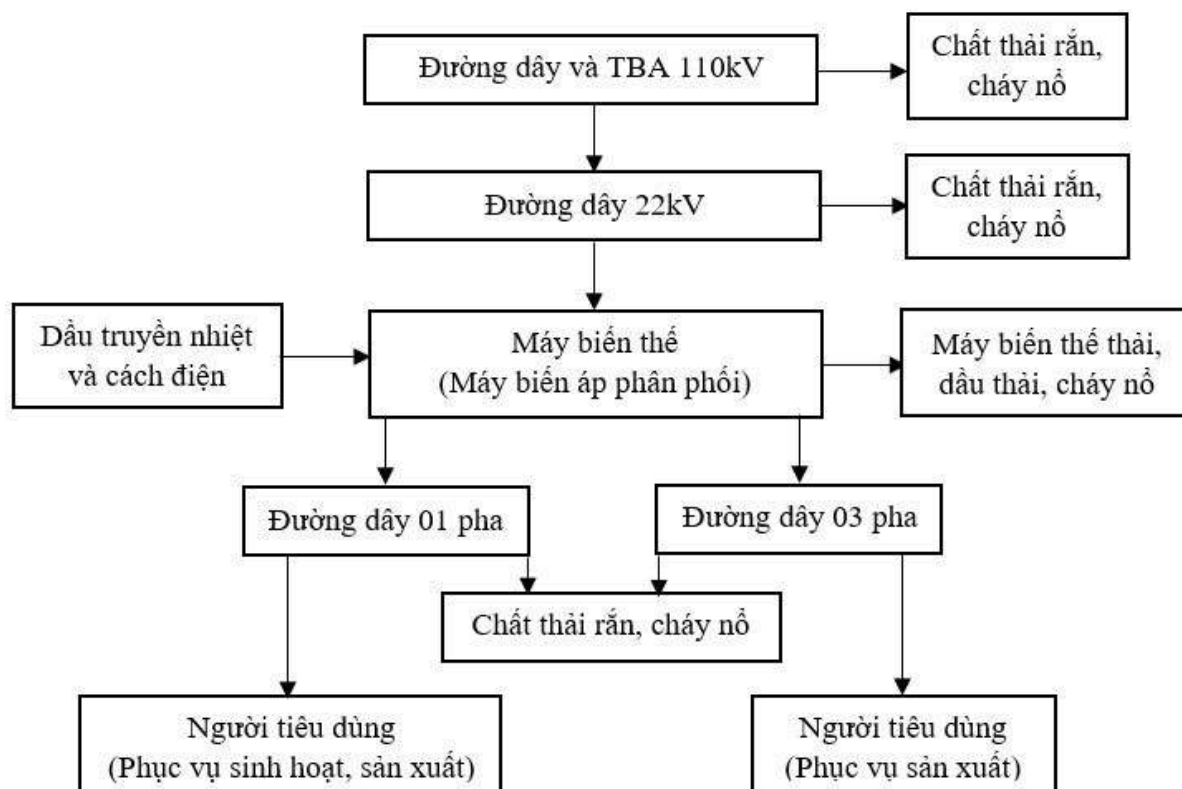
“4. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này”.

Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” thuộc dự án đầu tư nhóm III, nằm trên Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy. Do đó, dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND huyện Sa Thầy.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

Loại hình hoạt động của cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” là nơi đặt trụ sở làm việc của ngành Điện để điều hành hoạt động truyền tải và phân phối điện năng cho các khách hàng sử dụng điện, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện Sa Thầy.

Quy trình vận hành được thể hiện qua sơ đồ phân phối điện năng:



Hình 1.2. Sơ đồ phân phối điện năng

Thuyết minh quy trình:

Điện từ Trạm biến áp 110kV được tải lên đường dây có điện áp 22kV, tiếp theo đó dòng điện qua Máy biến áp được hạ xuống 220V hoặc 380V rồi dẫn tải cung cấp đến người tiêu dùng. Dòng điện có hiệu điện thế 220V phần lớn được dẫn tải cung cấp phục vụ cho sinh hoạt của người dân, riêng dòng điện có hiệu điện thế 380V được cung cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Các vật tư thiết bị điện từ Văn phòng nhà điều hành, các trạm, các đường dây trên địa bàn huyện Sa Thầy có dấu hiệu hư hỏng sẽ được đưa về Kho vật tư Công ty (Tổ 2, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) để kiểm tra, sửa chữa, đánh giá để tiếp tục sử dụng. Trong trường hợp không sửa được, Công ty Điện lực Kon Tum hợp đồng với các đơn vị chức năng để xử lý đúng quy định.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu

Mục đích hoạt động của cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” là phục vụ cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng của Điện lực Sa Thầy thuộc Công ty Điện lực Kon Tum, nhập các vật tư – thiết bị, lưu tại kho và xuất các vật tư – thiết bị đến các Trạm biến áp và tuyến đường dây trung hạ thế trên địa bàn huyện Sa Thầy. Các vật tư - thiết bị được lưu thường xuyên tại kho chủ yếu một số loại như sau: Sắt, thép vật tư; Dây dẫn điện; Sứ cách điện các loại; Chống sét van; ...

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện: lấy từ hệ thống điện lưới Quốc gia, để cung cấp điện cho cơ sở và đưa vào sử dụng cho mục đích làm việc và sinh hoạt của nhân viên cơ sở.

Cơ sở sử dụng điện chủ yếu để phục vụ nhu cầu chiếu sáng, làm việc, cấp điện sinh hoạt, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống điện nhẹ, hệ thống bơm cấp nước chữa cháy, hệ thống cấp nước sinh hoạt... Theo hóa đơn tiền điện, ước tính nhu cầu dùng điện thực tế tối đa tại cơ sở hiện tại là 527 kwh/tháng.

Nhu cầu sử dụng điện thực tế tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” trong các tháng năm 2024 được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tháng	Lượng điện năng sử dụng (kWh/tháng)
1	Tháng 1/2024	220
2	Tháng 2/2024	280
3	Tháng 3/2024	423
4	Tháng 4/2024	527
5	Tháng 5/2024	508
6	Tháng 6/2024	339
7	Tháng 7/2024	303
8	Tháng 8/2024	349

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp nước: lấy từ giếng bơm có sẵn tại cơ sở.

Tại Cơ sở không tổ chức nấu ăn cho nhân viên làm việc tại Cơ sở. Do vậy, Cơ sở sử dụng nước cho các hoạt động sau:

(i). Nước rửa gồm nước sử dụng cho các thiết bị, hoạt động: Lavabo, tắm, giặt và nước rửa sàn. **Khoảng 0,7 m³/ngày đêm.**

(ii) Nước phân tiêu từ bồn cầu: Là nước sử dụng từ các thiết bị vệ sinh: Xí, tiêu...**Khoảng 0,3 m³/ngày đêm.**

(iii). Nước phòng cháy chữa cháy: Sử dụng dự phòng khi có sự cố cháy nổ xảy ra hoặc khi đơn vị cấp nước gặp sự cố: Khối lượng khoảng 2m³/bồn (*không phát sinh thường xuyên, chỉ phát sinh khi gặp sự cố*).

Tổng nhu cầu sử dụng thường xuyên (i+ii): **là 1 m³/ngày đêm** (*có khả năng phát sinh thành nước thải sinh hoạt*).

Nhu cầu sử dụng không thường xuyên, chỉ phát sinh khi gặp sự cố (iii): là 2 m³ (*lượng nước này không có khả năng phát sinh trở thành nước thải nên không cần phải thực hiện các biện pháp xử lý*).

CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” được UBND tỉnh Kon Tum cho thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 540057 ngày 04/10/2013, tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, địa chỉ đường Trần Hưng Đạo, tổ 2, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, thời hạn sử dụng đến 03/06/2048. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng. Do vậy, Cơ sở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV tại Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 08/03/2017.

Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV tại Nghị quyết số: 58/2016/NQ-HĐND ngày 19/08/2016.

Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số: 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023.

Như vậy, Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển chung của Huyện Sa Thầy.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” là doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động văn phòng với nhiệm vụ chính là điều hành truyền tải và phân phối điện năng cho các khách hàng sử dụng điện, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện Sa Thầy, tại cơ sở chỉ có khả năng phát sinh đảm bảo sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường.

Chất thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR CNTT) như: Sứ cách điện các loại (chuỗi sứ thủy tinh, sứ polyme, sứ gốm); chống sét van; ... Chất thải nguy hại (CTNH) như: Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Pin, Ắc quy chì thải; Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại;

CTR CNTT và CTNH chủ yếu là các vật tư thiết bị sau khi xuất hiện hư hỏng đều được báo cáo và vận chuyển về Kho vật tư Công ty (Tổ 2, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) để đánh giá, phân loại và xử lý theo quy định.

Khu vực lưu giữ tạm thời CTNH được bố trí cao ráo, không bị ngập lụt vào mùa mưa bão, được trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, trang bị vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Bố trí các khu vực

lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đã lắp đặt biển báo chất thải nguy hại, có dán tên, mã chất thải nguy hại theo đúng quy định.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

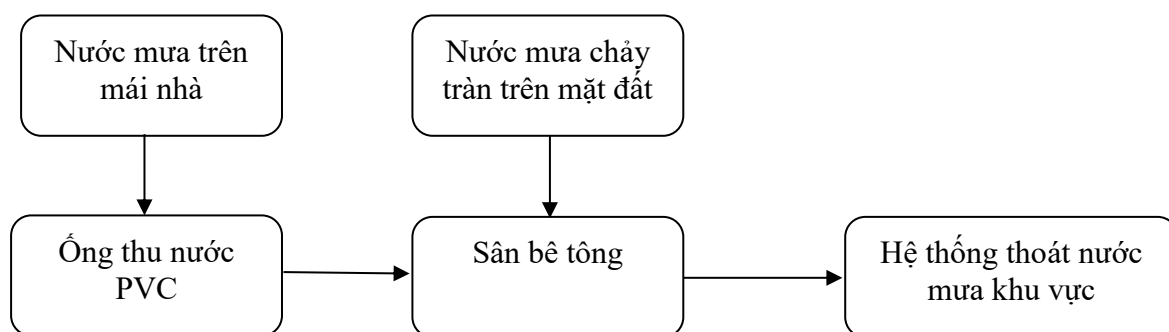
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn tại Cơ sở tương đối sạch, chỉ cuốn theo một ít cát, đất, bụi bẩn và lá cây cũng như các vật thể rắn khác nên ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn với môi trường là không đáng kể.

Nước mưa chảy tràn trên khu vực được bố trí chảy vào hệ thống thoát nước riêng biệt của Cơ sở theo nguyên tắc tự chảy theo cao độ địa hình thoát về hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hố ga trên mặt đất nối liền đường mương thoát nước.

Thu nước mưa trên mái: Nước mưa trên mái được thu gom bằng ống nhựa PVC, bố trí dọc theo các cột nhà được đưa xuống sân bê tông và chảy tràn theo cao độ địa hình thoát về hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa



Hình 3.2. Thu gom, thoát nước mưa trên mái nhà

Ngoài ra để giảm thiểu lượng chất bẩn hòa tan vào trong nước mưa chảy tràn, đơn vị thực hiện các biện pháp sau:

- Bê tông hóa toàn bộ mặt sân và các tuyến đường nội bộ.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ toàn bộ mặt bằng khu vực nhằm loại bỏ đất cát, rác,... có khả năng cuốn trôi theo nước mưa gây ô nhiễm.
- Không tập trung rác thải gần khu vực rãnh thoát nước mưa.
- Sân bê tông tại Cơ sở được thiết kế với độ nghiêng thích hợp để thoát nước nhanh.

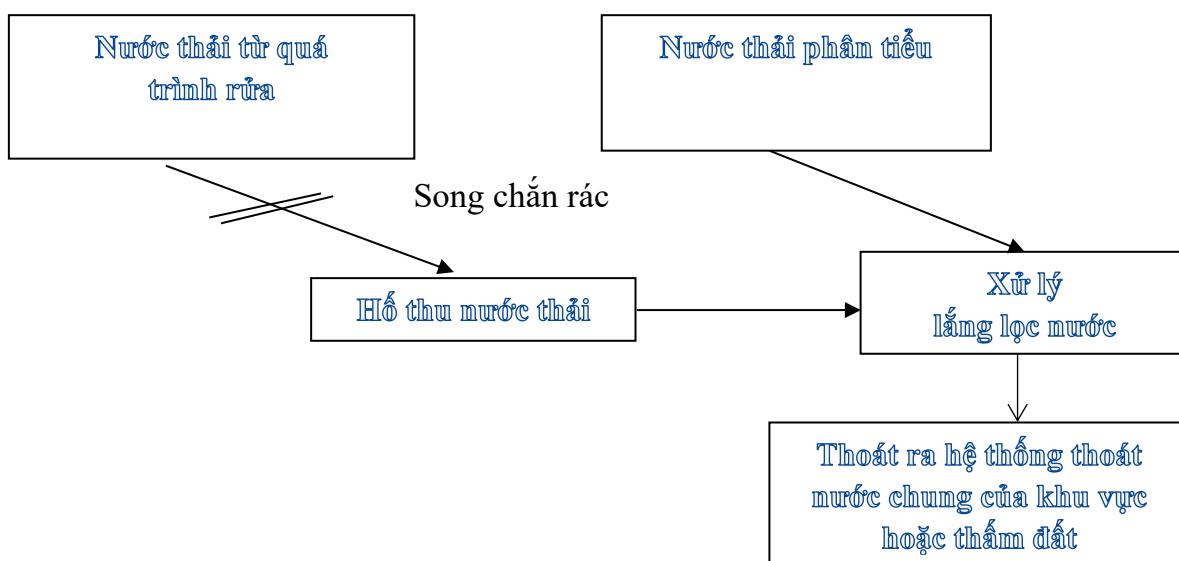
Đối với các khu vực không có điều kiện thu gom, chủ dự án cho thấm đất tự nhiên, đảm bảo không gây tràn, ngập cục bộ.

Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, lượng nước mưa sẽ được quản lý tốt đảm bảo không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt tại Cơ sở được chia thành các loại gồm:

- Nước rửa gồm nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm, giặt và nước rửa sàn.
- Nước phân tiêu: Là nước thải thoát ra từ các thiết bị vệ sinh: Xí, tiêu....



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”

* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải.

Nguồn nước thải:

- Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị sinh hoạt được dẫn về hố thu nước thải. Sau đó xử lý bằng cách cho lắng lọc.

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để thu gom xử lý kỵ khí sau đó cho thấm đất.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và các hoạt động khác có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hố thu nước thải: Được xây và gia cố cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất.

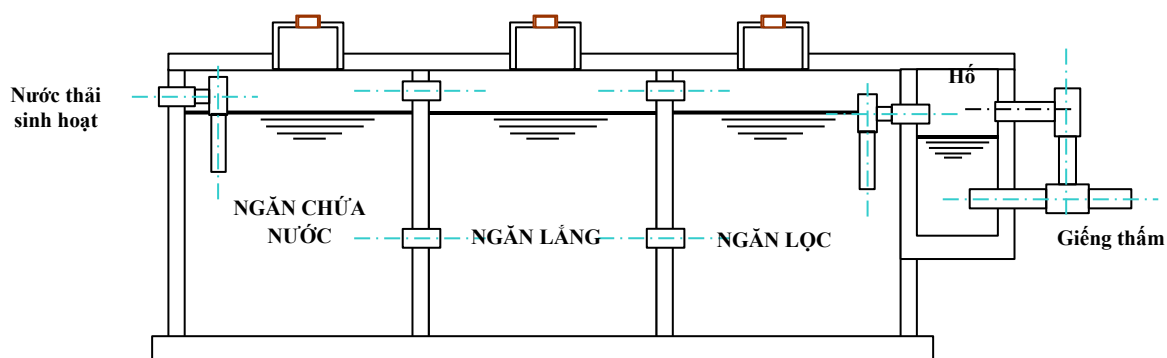
Thuyết minh quy trình thu gom:

- Nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm, giặt; nước lau rửa sàn và rửa các thiết bị sinh hoạt khác được thu gom bằng đường ống HDPE D90 hoặc DN125 về hố thu nước thải sau đó cho xử lý bằng lắng lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ chảy theo đường ống về hệ thống bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm dưới nhà vệ sinh của Cơ sở. Kết cấu của bể tự hoại bằng bê tông xi măng. Nước thải được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sau đó cho thấm đất thông qua giếng thấm. Bùn trong bể tự hoại sẽ được hút ra và đưa đi xử lý theo quy định. Điện lực Sa Thầy chịu trách nhiệm theo dõi và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện hút bùn và xử lý theo quy định.

3.1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt của cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn.



Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu đầy sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải sau đó cho vào giếng thấm để thấm đất.

- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ 35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

Lượng bùn sau thời gian lưu thích hợp sẽ đầy và được các xe hút chuyên dùng mang đi xử lý theo đúng quy định. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Trong quá trình phân hủy cặn sẽ phát sinh các khí nên trong bể tự hoại sẽ có các ống thông hơi để tránh bị nghẹt.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông

Bụi và khí thải phát sinh (SO₂, NO₂, CO...) tại Cơ sở chủ yếu là từ phương tiện giao thông đi lại của CBCNV làm việc tại Điện lực Sa Thầy.

Nồng độ khí thải phát sinh của các phương tiện giao thông đi lại phụ thuộc vào nhiên liệu sử dụng và động cơ của các phương tiện. Tuy nhiên, tính chất ô nhiễm này là nguồn di động, nó chỉ mang tính chất tức thời nên nồng độ, tải lượng này không đáng kể.

Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của các phương tiện giao thông công ty đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Tất cả phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải đạt tiêu chuẩn của Cục đăng kiểm.
- Phương tiện giao thông khi lưu thông trong khuôn viên khu vực cơ sở phải giảm tốc độ.
- Toàn bộ khuôn viên cơ sở được bê tông hóa nhằm thuận lợi cho việc quét dọn, vệ sinh hàng ngày để giảm thiểu bụi.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Rác sinh hoạt gồm chất thải hữu cơ dễ phân hủy như: thức ăn thừa, vỏ trái cây,... và các chất vô cơ như: hộp đựng thức ăn, bao bì, giấy ăn, lon, chai đựng nước giải khát,... Rác sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của các CBCNV của cơ sở.

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của các nhân viên trong cơ sở tối đa khoảng 2,6kg/ngày. Tổng khối lượng phát sinh cả năm: Khoảng 949kg/năm.

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số lượng CBCNV	Người	13

2	Định mức phát thải	Kg/người/ngày	0,2
3	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt	Kg/ngày	2,6

Bảng 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Rác thải được thu gom hằng ngày và được gom và phân loại thành chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác theo Khoản 2, Điều 30, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Bộ TN&MT và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển.

Hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt được bỏ vào thùng rác đặt tại điểm tập kết rác của Cơ sở để và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Điểm tập kết rác được bố trí theo quy định tại Khoản 1, Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, thiết bị lưu giữ chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu trữ, đảm bảo không rò rỉ nước ra môi trường; thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động.

Bố trí 01 thùng rác có dung tích 40 lít sau đó đưa về khu vực lưu giữ để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án chủ yếu là các vật tư thiết bị thu hồi. Được thu gom và vận chuyển về nhập Kho vật tư Công ty (Tổ 2, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) và định kỳ hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Chất thải rắn thông thường phát sinh được thu gom, phân loại lưu giữ và hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng ước tính (kg/năm)	Phương thức xử lý
1	Sứ cách điện các loại (chuỗi sứ thủy tinh, sứ polyme, sứ gốm); chống sét van;...	300	Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định

Bảng 3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Các vật tư thiết bị sau khi xuất hiện hư hỏng đều được báo cáo và vận chuyển về Kho Vật tư Công ty Điện lực Kon Tum (Tổ 2, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) để đánh giá, phân loại và xử lý theo quy định. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” trong quá trình hoạt động văn phòng đều được lưu gồm: Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Pin, Ắc quy chì thải; Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC; Bóng đèn huỳnh quang

và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại;

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh chi tiết như sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	0,5
2	Pin, Ấc quy chì thải	19 06 01	10
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	15
4	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	21
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	0,5
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	0,5
Tổng cộng			47,5

Bảng 3.3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”

b. Khu vực lưu giữ tạm thời CTNH:

Do cơ sở chỉ hoạt động Văn phòng nên Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Pin, Ấc quy chì thải; Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; được lưu trữ trong các thùng chứa có biển cảnh báo theo quy định.

Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

Trang bị khác: Được trang bị các dụng cụ, thiết bị, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; Trang bị vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

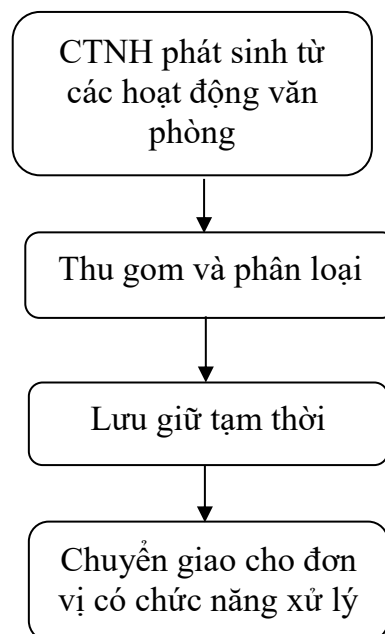
c. Thiết bị lưu giữ CTNH: Được trang bị biện pháp phân cách để các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.



Hình 3.5. Một số hình ảnh khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại tại cơ sở
d. Quy trình thu gom, vận chuyển CTNH:

Chất thải phát sinh được cơ sở vận chuyển về Kho Vật tư của Công ty Điện lực Kon Tum để thu gom, lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu giữ tạm thời và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, CTNH lưu giữ tại khu vực lưu giữ tạm thời không quá một năm kể từ thời điểm phát sinh.



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại

e. Các biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH khác.

Công ty Điện lực Kon Tum ký hợp đồng với các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại đảm bảo đúng quy định pháp luật về môi trường.

Mua sắm, bố trí các thiết bị lưu giữ và bố trí các khu vực lưu giữ theo hướng dự phòng khu vực bên cạnh các thiết bị lưu giữ hiện có để sẵn sàng lưu giữ đối với các chất

thải nguy hại cùng nhóm nguy hại phát sinh khối lượng nhiều hơn thường lệ, đảm bảo không xảy ra hiện tượng quá tải, tràn thùng chứa gây ảnh hưởng đến chức năng lưu giữ của thiết bị.

Ngoài ra, khi phát sinh thêm khối lượng chất thải nguy hại, chủ Cơ sở trang bị thêm các thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại với dung tích lớn hơn 02 m³ và được đặt ngoài trời; thiết bị sẽ được thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo đúng quy định tại điểm a, khoản 6, điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn gây ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” chủ yếu là hoạt động của các phương tiện giao thông.

Để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn, độ rung gây ra. Cơ sở đã đặt ra các nội quy, biện pháp giảm thiểu như sau:

- Phương tiện giao thông ra vào cơ sở yêu cầu đi với tốc độ chậm, không bóp còi.
- Các phương tiện giao thông không nổ máy trong lúc dừng xe.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện giao thông

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Để hạn chế các sự cố về cháy nổ, Cơ sở đã có những phương án phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

- Trang bị đầy đủ các hệ thống, phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định về PCCC và thường xuyên kiểm tra để luôn trong tình trạng sẵn sàng.
- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, khắc phục kịp thời thiếu sót để đảm bảo an toàn PCCC.
- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện để sẵn sàng chữa cháy kịp thời khi có cháy nổ xảy ra.
- Định kỳ huấn luyện nghiệp vụ, tổ chức diễn tập chữa cháy cho lực lượng chữa cháy.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại, hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Đối với bể tự hoại:
 - + Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
 - + Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

+ Tắc đường ống thoát khí bồn tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

+ Định kỳ phải tiến hành hút bùn bể tự hoại.

- Đối với sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thu gom, thoát nước thải.

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom, thoát nước thải.

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng đường ống thu gom, thoát nước thải.

+ Nếu có sự cố xảy ra, phải lập tức ngưng các hoạt động phát sinh nước thải, sau đó tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục ngay lập tức.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải nguy hại

- Biện pháp phòng ngừa.

+ Thực hiện thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo quy định, khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng kỹ thuật và được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, trang bị vật liệu hấp thụ (*như cát khô*) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác quản lý chất thải, kịp thời phát hiện các hiện tượng rò rỉ chất thải dạng lỏng để khắc phục ngay.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

+ Nhân viên đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với chất thải nguy hại.

+ Tuân thủ các quy định về PCCC tại khu vực, trang bị đầy đủ thiết bị cảnh báo, phòng ngừa, dụng cụ chữa cháy theo quy định về PCCC.

- Tăng cường tuyên truyền về kiến thức liên quan đến CTNH đến cán bộ công nhân viên chức tại Cơ sở để nâng cao kiến thức trong việc quản lý CTNH.

- Trang bị các bình chữa cháy mini tại khu vực lưu giữ tạm thời CTNH.

- Lắp các biển báo nguy hiểm và cấm lửa tại một số khu vực có chứa CTNH để tránh cháy nổ.

- Biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả: sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ để ngăn chặn, hạn chế chất thải phát tán ra môi trường như cát khô để hấp thụ không để chất thải lỏng phát tán ra môi trường.

CHƯƠNG 4: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân cơ sở.

- Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 0,3 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng (từ nhà vệ sinh).
- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD₅; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.
- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.1. Bảng Giá trị các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt

T	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí: Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Tọa độ VN 2000: X = 1594140.43; Y = 531533.349.
 - + Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt và xả ngầm qua đường ống nhựa PVC.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Thấm đất thông qua giếng thấm.
 - + Đơn vị tiếp nhận: Lượng bùn sau thời gian lưu thích hợp sẽ đầy, hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện hút bùn và xử lý theo quy định.

4.1.2. Nguồn phát sinh nước thải khác tại cơ sở

- Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép: Nguồn nước rửa gồm nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm, giặt và nước lau rửa sàn và rửa các thiết bị sinh hoạt khác.
 - Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 0,7 m³/ngày đêm.
 - Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng: Tại khu vực hố lắng.
 - Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: BOD₅; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Nitrat (NO₃) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliform.
 - Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN

14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí: Tại khu vực hồ lắng của hệ thống thoát nước trong phạm vi Cơ sở thuộc Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt, xả ngầm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Các vật tư thiết bị sau khi xuất hiện hư hỏng đều được báo cáo và vận chuyển về Kho Vật tư Công ty Điện lực Kon Tum để đánh giá, phân loại và xử lý theo quy định. Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở trong quá trình hoạt động văn phòng đều được lưu gồm: Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Pin, Ấc quy chì thải; Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Chi tiết tại Bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	0,5
2	Pin, Ấc quy chì thải	19 06 01	10
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử	16 01 13	15

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/năm)
	không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)		
4	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	21
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	0,5
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	0,5
Tổng cộng			47,5

Bảng 4.3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy”

b. Khu vực lưu giữ tạm thời CTNH:

Do cơ sở chỉ hoạt động Văn phòng nên Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Pin, Ấc quy chì thải; Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; được lưu trữ trong các thùng chứa có biển cảnh báo theo quy định.

Quy cách, kết cấu: Mặt sàn đổ bê tông đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

Trang bị khác: Được trang bị các dụng cụ, thiết bị, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; Trang bị vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

c. Thiết bị lưu giữ CTNH: Được trang bị biện pháp phân cách để các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

- Mua sắm, bố trí các thiết bị lưu giữ và bố trí các khu vực lưu giữ theo hướng dự phòng khu vực bên cạnh các thiết bị lưu giữ hiện có để sẵn sàng lưu giữ đối với các chất thải nguy hại cùng nhóm nguy hại phát sinh khối lượng nhiều hơn thường lệ, đảm bảo không xảy ra hiện tượng quá tải, tràn thùng chứa gây ảnh hưởng đến chức năng lưu giữ của thiết bị.

- Ngoài ra, khi phát sinh thêm khối lượng chất thải nguy hại, chủ Cơ sở trang bị thêm các thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại với dung tích lớn hơn 02 m³ và được đặt ngoài trời; thiết bị sẽ được thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng

phản ứng hóa học với nhau; bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo đúng quy định tại điểm a, khoản 6, điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Tại cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ được quy định cụ thể tại Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại. Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị khối đáp ứng yêu cầu theo quy định)” thì Cơ sở thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Quan trắc nước thải: Theo quy định tại Điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy – Công ty Điện lực Kon Tum không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ.

Quan trắc khí thải: Theo quy định tại Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy – Công ty Điện lực Kon Tum không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở “Nhà làm việc Trạm Điện lực Sa Thầy” không thuộc đối tượng quan trắc tự động nước thải, khí thải theo Điều 97, Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không có.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không.

CHƯƠNG 7: KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm báo cáo, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở.

CHƯƠNG 8: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ

Cam kết về tính chính xác, trung thực về các số liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty cũng xin cam kết sẽ thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở như sau:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống cháy nổ, PCCC.

- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Toàn bộ chất thải sẽ được thu gom và lưu giữ đúng quy định và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển với đơn vị có chức năng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số 0400101394-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/01/1995 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/09/2021.

- Giấy phép hoạt động điện lực số 26/GP-SCT ngày 07/07/2020 do Sở Công thương tỉnh Kon Tum cấp; Số 172/GP-ĐTĐL ngày 03/06/2019 do Cục Điều tiết điện lực- Bộ Công thương cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ sở: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 540057 ngày 04/10/2013, tại số thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, địa chỉ đường Trần Hưng Đạo, tổ 2, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, thời hạn sử dụng đến 03/06/2048. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0400101394-011

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 01 năm 1995

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 08 tháng 09 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KON TUM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số nhà 184, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: 0260.2220253

Fax: 0260.2220201

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HẠNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/04/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052066001111

Ngày cấp: 09/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 93 Lê Lai, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 93 Lê Lai, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Mã số doanh nghiệp: 0400101394

Địa chỉ trụ sở chính: 78A Duy Tân, Phường Hoà Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Đăng Ninh

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC



**GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

SỐ : 172 /GP-ĐTĐL
NGÀY CẤP : 03.06.19



Số: 172 /GP-DTDL

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2019

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 3771/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty Điện lực Kon Tum;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Quan hệ công chúng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho

1. Tên tổ chức: Công ty Điện lực Kon Tum.
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0400101394-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 01 năm 2019.
3. Trụ sở đăng ký: Số 184, đường Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Điện thoại: 0260 2220253

Fax: 0260 2220201

Email: ktpc.vanphong@cpc.vn

4. Cơ quan cấp trên trực tiếp: Tổng công ty Điện lực Miền Trung.

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động

1. Lĩnh vực 1: Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 110kV;
2. Lĩnh vực 2: Hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 110 kV.

Điều 3. Phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Phạm vi hoạt động

- Lĩnh vực 1: Phân phối điện và quản lý vận hành lưới điện phân phối là tài sản của Tổng công ty Điện lực Miền Trung giao cho Công ty Điện lực Kon Tum trên phạm vi địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Lĩnh vực 2: Bán lẻ điện trên phạm vi địa bàn tỉnh Kon Tum từ lưới điện phân phối nêu trên (không bao gồm phạm vi hoạt động của các đơn vị hoạt động điện lực khác được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện hoạt động phân phối điện, bán buôn, bán lẻ điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum).

2. Thời hạn hoạt động: Đến ngày 03 tháng 06 năm 2029.

Điều 4. Trách nhiệm của Công ty Điện lực Kon Tum

1. Công ty Điện lực Kon Tum có nghĩa vụ duy trì điều kiện hoạt động được cấp phép và báo cáo cơ quan cấp giấy phép theo quy định;

2. Công ty Điện lực Kon Tum có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Luật Điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép hoạt động điện lực số 69/GP-ĐTĐL ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực đã cấp cho Công ty Điện lực Kon Tum./.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

UBND TỈNH KON TUM
SỞ CÔNG THƯƠNG



**GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC**

SỐ : 26/GP-SCT
NGÀY CẤP : 07/7/2020

UBND TỈNH KON TUM
SỞ CÔNG THƯƠNG
Số: 26 /GP-SCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 07 tháng 7 năm 2020.

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của UBND Kon Tum về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty Điện lực Kon Tum;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho:

1. Tên tổ chức: Công ty Điện lực Kon Tum.
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, mã số chi nhánh số 0400101394-011, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 01 năm 2019.

3. Trụ sở chính: Số nhà 184, đường Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Điện thoại: 0260.2220253; Fax: 0260.2220201.

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động

1. Lĩnh vực 1: Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV;
2. Lĩnh vực 2: Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV.

Điều 3. Phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Lĩnh vực 1: Toàn quốc.
Thời hạn đến ngày 07 tháng 7 năm 2025.
2. Lĩnh vực 2: Toàn quốc.
Thời hạn đến ngày 07 tháng 7 năm 2025.

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

Công ty Điện lực Kon Tum có nghĩa vụ duy trì điều kiện hoạt động được cấp phép và báo cáo cơ quan cấp giấy phép theo quy định;

Công ty Điện lực Kon Tum có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Luật Điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Bố 5. Hiệu lực thi hành

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký. *ur*

GIÁM ĐỐC

Lê Như Nhật

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Điện lực Kon Tum

Giấy phép kinh doanh số: 0400101394-011, cấp ngày 13 tháng 5 năm 2010
Địa chỉ: Số 209 Trần Hưng Đạo, P. Thắng Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



BP 540057

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 47, tờ bản đồ số: 73
 b) Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, tổ 2, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, Kon Tum
 c) Diện tích: 1134,0 m², (bằng chữ: Một nghìn một trăm ba mươi bốn mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 1134,0 m²; chung: Không m²
 đ) Mục đích sử dụng: Đất công trình năng lượng
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 03/06/2048
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: /-**3. Công trình xây dựng khác:** /-**4. Rừng sản xuất là rừng trồng:** /-**5. Cây lâu năm:** /-**6. Ghi chú:** Không.**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất****BẢNG KÊ TOA ĐỘ**

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1594152.00	531509.00	42.0
2	1594171.46	531546.22	30.0
3	1594142.58	531554.20	38.5
4	1594126.93	531519.03	27.0
1	1594152.00	531509.00	

Kon Tum, ngày 04 tháng 10 năm 2013
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

TU. CHỦ TỊCH**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG***La Xuân Hạnh*

Số vào sổ cấp GCN: CT00804

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền